

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP – NĂNG LƯỢNG QUỐC GIA VIỆT NAM
CHI NHÁNH PHÁT ĐIỆN DẦU KHÍ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2100 /CNPĐ-TM

Hà Nội, ngày 20 tháng 10 năm 2026

V/v mời cung cấp báo giá Cung cấp
vật tư Hệ thống BOP phục vụ BDĐK
năm 2027 NMNĐ Sông Hậu 1

Kính gửi: Các Nhà cung cấp

Chi nhánh Phát điện Dầu khí – Tập đoàn Công nghiệp – Năng lượng Quốc gia Việt Nam (Chi nhánh) đang có nhu cầu mua sắm vật tư Hệ thống BOP Bảo dưỡng sửa chữa định kỳ năm 2027 của Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1. Chi nhánh kính mời các Quý công ty có uy tín, năng lực và kinh nghiệm trong lĩnh vực cung cấp các chủng loại hàng hóa nêu trên quan tâm, xem xét và cung cấp báo giá với nội dung như sau:

- Phạm vi công việc:
 - ✓ Danh mục hàng hóa vật tư cần mua sắm như *Phụ lục phạm vi công việc đính kèm*.
 - ✓ Hàng hóa mới 100%, chưa qua sử dụng, bảo hành theo tiêu chuẩn của Nhà sản xuất. Hàng hóa có đầy đủ CO (nếu là hàng nhập khẩu) và CQ.
- Tiến độ cung cấp hàng hóa: Hàng hóa về sớm nhất trước ngày 23/8/2027 và về chậm nhất trước ngày 08/9/2027.
- Hiệu lực báo giá: 90 ngày kể từ ngày báo giá.
- Thời gian gửi báo giá: Không muộn hơn 10h00 ngày 29/10/2026.
- Địa điểm cung cấp hàng hóa: Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1, ấp Phú Xuân, xã Châu Thành, thành phố Cần Thơ.
- Hình thức nhận báo giá: Các đơn vị gửi báo giá (file scan, được ký tên, đóng dấu đỏ bởi Người đại diện đủ thẩm quyền của Quý công ty như *Phụ lục biểu chào giá đính kèm*) qua thư điện tử theo các địa chỉ Email: nhanbaogia.hn@pvpgeb.vn; tuannm@pvpgeb.vn.
- Thông tin liên hệ nhận báo giá: Mọi thông tin cần trao đổi, làm rõ xin liên hệ Ông Nguyễn Minh Tuấn – Phòng Thương mại, Tel: 0912561908.

Chi nhánh cảm ơn sự hợp tác và rất mong nhận được báo giá của Quý công ty.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc CN (để b/c);
- Lưu: VT, TM (NMT).

Đính kèm:

- Phụ lục Phạm vi công việc.
- Phụ lục Biểu chào giá.



Bùi Thị Thu Hương

PHỤ LỤC PHẠM VI CÔNG VIỆC
Cung cấp vật tư Hệ thống BOP phục vụ BDDK năm 2027 NMNĐ Sông Hậu 1
(Đính kèm Công văn số 2100/CNPD-TM ngày 20/10/2026)

STT	Hệ thống/Thiết bị Danh mục vật tư	Thông số kỹ thuật	Nhà sản xuất/ Nhà cung cấp	Xuất xứ	Số lượng	Đơn vị	Mã vật tư	Mã KKS	Bản vẽ/ Vị trí
	Deaerator & Storage tank								
1	Manhole gasket của tháp khử khí MW1, MW2	- Size: Flange DN600 - Flexitalllic Spiral Wound CG 316 S.S./ AWC SGI 316L S.S/FG, Pressure 320 Bar, Temp: 550°C, Leak Tightness= 3.9 x 10-5mbar l/(s.m)	Klinger	Châu Âu/ G7/OECD/ G20	2	PC	58562191	P0QLA90AC001 P0QLA90BB001	SH1-DHI- P0QH-M- M01-DAS- 5207 Page 417 - N0: MW1
	Bao nước (Water Drum)								
2	Manhole packing	Size: t3 x O.D502 x I.D432 (DN500) INCONEL/FG, Pressure 320 Bar, Temp: 550°C, Leak Tightness= 3.9 x 10-5mbar l/(s.m)	Klinger	Châu Âu/ G7/OECD/ G20	4	PC	48911007	P0QHA90BB001	SH1-DHI- P0QH-M- M01-DSU- 5208 Page 5 - No.2
	FGD/Expansion joint								
	FGD/Purge gas fan GGH	Fan Type: VR40S2MC1UK1250 Công suất ĐC 75 kw n = 1480 v/p Lưu lượng: 21.747 m3/h	POLLRICH					P1HTA20AN001 P2HTA20AN001	
3	Flexible element for coupling	Flexible element for coupling: - Tuype: Flender N-EUPEX - size A180 - 80 shore - Material: NBR - Hardness: 80 Shore A	Flender	Châu Âu/ G7/OECD	8	PC	51746011	P1HTA20AN001 P2HTA20AN001	Theo thực tế
4	LBF asonators	-Tuype: 130V - Belastung: 1500/3500 N	LBF	Châu Âu/ G7/OECD	2	PC	30630010		Theo thực tế
	Absorber bleed pump	- Tuype: MC 100-450 - Flow: 200 M3/h - Head: 64.1 m - Design Speed Pump: 1485 l/min - Design Power Drive: 75 KW	DUCHTING PUMPEN					P1HTL81/82AP001 P2HTL81/82AP001	



STT	Hệ thống/Thiết bị Danh mục vật tư	Thông số kỹ thuật	Nhà sản xuất/ Nhà cung cấp	Xuất xứ	Số lượng	Đơn vị	Mã vật tư	Mã KKS	Bản vẽ/ Vị trí
5	O-ring	Vật liệu: viton 500	DUCHTING PUMPEN	Châu Âu/ G7/OECD	4	PC	51700111	P1HTL81/82AP001 P2HTL81/82AP001	SH1-HEG- P0HTL-M- M05-DSE- 0201 page 28 Item no: 412.1
	Wastewater pumps	- Type: MC 40-315 - Flow: 13 M3/h - Head: 26.9 m - Design Speed Pump: 1440 l/min - Design Power Drive: 4 KW"	DUCHTING PUMPEN					P1HTL21/22AP001 P2HTL21/22AP001	SH1-HEG- P0HTL-M- M05-DAS- 0201-1 & SH1-HEG- P0HTL-M- M05-DSE- 0201-A
6	O- ring	Vật liệu: viton 500	DUCHTING PUMPEN	Châu Âu/ G7/OECD	4	PC	51700112	P1HTL21/22AP001 P2HTL21/22AP001	SH1-HEG- P0HTL-M- M05-DSE- 0204 page 1918 Item no: 412.1
	Waste water HC pumps	- Type: MC 50-400 - Flow: 35 M3/h - Head: 64.7 m - Design Speed Pump: 1349 l/min - Design Power Drive: 18.5 KW	DUCHTING PUMPEN					P1HTL11/12AP001 P2HTL11/12AP001	SH1-HEG- P0HTL-M- M05-DAS- 0203-1 & SH1-HEG- P0HTL-M- M05-DSE- 0203-A
7	O- ring	Vật liệu: viton 500	DUCHTING PUMPEN	Châu Âu/ G7/OECD	4	PC	51700113	P1HTL11/12AP001 P2HTL11/12AP001	SH1-HEG- P0HTL-M- M05-DSE- 0203 page 2188 Item no: 412.1
	Chloride purge pumps	- Type: MC 50-250 - Flow: 26 M3/h - Head: 16.2 m	DUCHTING PUMPEN					P0HTL31/32AP001	



STT	Hệ thống/Thiết bị Danh mục vật tư	Thông số kỹ thuật	Nhà sản xuất/ Nhà cung cấp	Xuất xứ	Số lượng	Đơn vị	Mã vật tư	Mã KKS	Bản vẽ/ Vị trí
8	O-ring	- Design Speed Pump: 1440 l/min - Design Power Drive: 4 KW Vật liệu: viton 500	DUCHTING PUMPEN	Châu Âu/ G7/OECD	2	PC	51700102	P0HTL31/32AP001	SH1-HEG- P0HTL-M- M05-DSE- 0205 Item no: 412.1
	Blowdown return pump	- Type: MC 150-315 - Flow: 300 M3/h - Head: 22.9 m - Design Speed Pump: 1470 l/min - Design Power Drive: 37 KW Vật liệu: viton 500	DUCHTING PUMPEN					P0HTT41/42AP001	
9	O- ring		DUCHTING PUMPEN	Châu Âu/ G7/OECD	2	PC	51700114	P0HTT41/42AP001	SH1-HEG- P0HTL-M- M05-DSE- 0206 Item no: 412.1
	Reclaim water pump	- Type: MC 150-280 - Flow: 205 M3/h - Head: 21 m - Design Speed Pump: 1465 l/min - Design Power Drive: 22 KW Vật liệu: Viton 500	DUCHTING PUMPEN					P0HTL41AP001 P1HTL41AP001 P2HTL41AP001	
10	O-ring		DUCHTING PUMPEN	Châu Âu/ G7/OECD	3	PC	51700115	P0HTL41AP001 P1HTL41AP001 P2HTL41AP001	SH1-HEG- P0HTK-GE- M05-MAN- 8510 page 1080 Item no: 412.1
	Limestone slurry pump	- Type: MC 80-400 - Flow: 160 M3/h - Head: 54.1 m - Design Speed Pump: 1475 l/min - Design Power Drive: 55 KW	DUCHTING PUMPEN					P0HTK21AP001 P0HTK41AP001	



STT	Hệ thống/Thiết bị Danh mục vật tư	Thông số kỹ thuật	Nhà sản xuất/ Nhà cung cấp	Xuất xứ	Số lượng	Đơn vị	Mã vật tư	Mã KKS	Bản vẽ/ Vị trí
	Recycle pump level 1, 2, 3, 4	- Type: MCC 800-9501 OH1 Evo DÜTEC-C DIN - Material no 1.406396	DUCHTING PUMPEN						SH1-HEG- P0HTK-GE- M05-MAN- 8509 Page 32
11	O-ring	Material: Viton 500	DUCHTING PUMPEN	Châu Âu/ G7/OECD	4	PC	51700106	P1/2HTF11AP001 P1/2HTF12AP001 P1/2HTF13AP001 P1/2HTF14AP001	SH1-HEG- P0HTK-GE- M05-MAN- 8509 Page 32 Item no: 412.2
12	O-ring	Material: Viton 500	DUCHTING PUMPEN	Châu Âu/ G7/OECD	4	PC	51700255	P1/2HTF11AP001 P1/2HTF12AP001 P1/2HTF13AP001 P1/2HTF14AP001	SH1-HEG- P0HTK-GE- M05-MAN- 8509 Page 32 Item no: 412.1
13	O-ring	Material: Viton 500	DUCHTING PUMPEN	Châu Âu/ G7/OECD	4	PC	51700256	P1/2HTF11AP001 P1/2HTF12AP001 P1/2HTF13AP001 P1/2HTF14AP001	SH1-HEG- P0HTK-GE- M05-MAN- 8509 Page 32 Item no: 412.4
14	Impeller	Material: SICcast/EN-GJS-600- 3 (GGG-60)	DUCHTING PUMPEN	Châu Âu/ G7/OECD	1	PC	51700259	P1/2HTF11AP001 P1/2HTF12AP001 P1/2HTF13AP001 P1/2HTF14AP001	SH1-HEG- P0HTK-GE- M05-MAN- 8509 Page 32 Item no: 230
15	O-ring	Material: Viton 500	DUCHTING PUMPEN	Châu Âu/ G7/OECD	4	PC	51700257	P1/2HTF11AP001 P1/2HTF12AP001 P1/2HTF13AP001 P1/2HTF14AP001	SH1-HEG- P0HTK-GE- M05-MAN- 8509 Page 32 Item no: 412.5
16	O-ring	Material: Viton 500	DUCHTING PUMPEN	Châu Âu/ G7/OECD	4	PC	51700258	P1/2HTF11AP001 P1/2HTF12AP001	SH1-HEG- P0HTK-GE- M05-MAN- 8509



STT	Hệ thống/Thiết bị Danh mục vật tư	Thông số kỹ thuật	Nhà sản xuất/ Nhà cung cấp	Xuất xứ	Số lượng	Đơn vị	Mã vật tư	Mã KKS	Bản vẽ/ Vị trí
17	O-ring	O ring (for Mechanical seal DÜTEC-C 250 Standard, Sectional drawing Z10924-2, Material no 3.004005) Material: Viton 500	DUCHTING PUMPEN	Châu Âu/ G7/OECD	4	PC	48532182	P1/2HTF11AP001 P1/2HTF12AP001 P1/2HTF13AP001 P1/2HTF14AP001	SH1-HEG- P0HTK-GE- M05-MAN- 8509 Page 36 Item no: 412.3
18	O-ring	O ring (for Mechanical seal DÜTEC-C 250 Standard, Sectional drawing Z10924-2, Material no 3.004005) Material: Viton 500	DUCHTING PUMPEN	Châu Âu/ G7/OECD	4	PC	48532183	P1/2HTF11AP001 P1/2HTF12AP001 P1/2HTF13AP001 P1/2HTF14AP001	SH1-HEG- P0HTK-GE- M05-MAN- 8509 Page 36 Item no: 412.1
19	O-ring	O ring (for Mechanical seal DÜTEC-C 250 Standard, Sectional drawing Z10924-2, Material no 3.004005) Material: Viton 500	DUCHTING PUMPEN	Châu Âu/ G7/OECD	4	PC	48532184	P1/2HTF11AP001 P1/2HTF12AP001 P1/2HTF13AP001 P1/2HTF14AP001	SH1-HEG- P0HTK-GE- M05-MAN- 8509 Page 36 Item no: 412.3
20	Stationary seal ring	Stationary seal ring (for Mechanical seal DÜTEC-C 250 Standard, Sectional drawing Z10924-2, Material no 3.004005) Material: CarSIK-NT	DUCHTING PUMPEN	Châu Âu/ G7/OECD	1	PC	48536193	P1/2HTF11AP001 P1/2HTF12AP001 P1/2HTF13AP001 P1/2HTF14AP001	SH1-HEG- P0HTK-GE- M05-MAN- 8509 Page 36 Item no: 475
21	Retaining ring	Retaining ring (for Mechanical seal DÜTEC-C 250 Standard, Sectional drawing Z10924-2, Material no 3.004005) Material: RCH 1000	DUCHTING PUMPEN	Châu Âu/ G7/OECD	4	PC	48545036	P1/2HTF11AP001 P1/2HTF12AP001 P1/2HTF13AP001 P1/2HTF14AP001	SH1-HEG- P0HTK-GE- M05-MAN- 8509 Page 36 Item no: 506
	FGD/Oxidation air blower	Package type: EAX2 300 'Model: 826 Tri-RAM	Howden					P0HTG50AN001 P1HTG51/52AN001 P2HTG51/52AN001	
	Absorber							P1HTD10AT001 P2HTD10AT001	



STT	Hệ thống/Thiết bị Đanh mục vật tư	Thông số kỹ thuật	Nhà sản xuất/ Nhà cung cấp	Xuất xứ	Số lượng	Đơn vị	Mã vật tư	Mã KKS	Bản vẽ/ Vị trí
22	Spray Nozzle	Nozzle 1/2-Munter-100-20,5 for Mist Eliminator DV 210-III 1/2"-20,5 lit/min-2bar-100 độ C Vật liệu: PP	Munters	Châu Âu/ G7/OECD	60	PC	51981006	P1HTD10AT001 P2HTD10AT001	SH1-HEG- P0HTD-M- M05-MAN- 0002 page 86 Item No. 41
23	Fixing profile t=30	Fixing profile t=30 for Mist Eliminator DV 210-III Dài 300mm Vật liệu: PPTV5	Munters	Châu Âu/ G7/OECD	35	PC	53293003	P1HTD10AT001 P2HTD10AT001	SH1-HEG- P0HTD-M- M05-MAN- 0002 page 86 Item No. 30
24	Fixing profile t=27,5	Fixing profile t=27,5 for Mist Eliminator DV 210-III Dài 300mm Vật liệu: PPTV5	Munters	Châu Âu/ G7/OECD	35	PC	53293004	P1HTD10AT001 P2HTD10AT001	SH1-HEG- P0HTD-M- M05-MAN- 0002 page 87 Item No. 21
25	Fixing pipe d=40	Fixing pipe d=40 for Mist Eliminator DV 210-III Dài 650mm Vật liệu: PP DWG no: 1516790	Munters	Châu Âu/ G7/OECD	15	PC	53293005	P1HTD10AT001 P2HTD10AT001	SH1-HEG- P0HTD-M- M05-MAN- 0002 page 87 Item No. 20
26	Absorber Spray Nozzle DTH	Prod. Nr. DTH-386-87423-62 Flow rate: V = 41.13 m3/h at p = 0.7 bar Spec. Gravity: 1150 kg/m3 Spray angle: 120° (2x) Material: SNBSC / SiC Connection: Laminated BETE drawing: DTH-87423	BETE	Châu Âu/G7	40	PC	53293006	P1HTD10AT001 P2HTD10AT001	SH1-HEG- P0HTD-QA- M05-HDD- 0042 Page 7
27	Absorber Spray Nozzle TH	Prod. Nr. TH-386-87424-62 Flow rate: V = 41.13 m3/h at p = 0.7 bar Spec. Gravity: 1150 kg/m3 Spray angle: 120° Material: SNBSC / SiC Connection: Laminated BETE drawing: TH-87424	BETE	Châu Âu/G7	20	PC	53293007	P1HTD10AT001 P2HTD10AT001	SH1-HEG- P0HTD-QA- M05-HDD- 0042 Page 7
28	Absorber Spray Nozzle TSC	Prod. Nr. TSC-386-87425-62 Flow rate: V = 41.13 m3/h at p	BETE	Châu Âu/G7	20	PC	53293008	P1HTD10AT001 P2HTD10AT001	SH1-HEG- P0HTD-QA- M05-HDD- 0042 Page 7



STT	Hệ thống/Thiết bị Danh mục vật tư	Thông số kỹ thuật	Nhà sản xuất/ Nhà cung cấp	Xuất xứ	Số lượng	Đơn vị	Mã vật tư	Mã KKS	Bản vẽ/ Vị trí
		= 0.7 bar Spec. Gravity: 1150 kg/m ³ Spray angle: 90° Material: SNBSC / SiC Connection: Laminated BETE drawing: TSC-87425							M05-HDD-0042 Page 7
29	Mist Eliminator DV210 type G1	Mist Eliminator DV210 type G1 for Mist Eliminator DV 210-III DWG no: 1516710 Vật liệu: Nhựa PP	Munters	Châu Âu/ G7/OECD	3	PC	53293028	PIHTD10AT001 P2HTD10AT001	SH1-HEG- P0HTD-M- M05-MAN- 0002 page 86 Item No. 1
30	Mist Eliminator DV210 type G4	Mist Eliminator DV210 type G4 for Mist Eliminator DV 210-III DWG no: 1516712 Vật liệu: Nhựa PP	Munters	Châu Âu/ G7/OECD	3	PC	53293029	PIHTD10AT001 P2HTD10AT001	SH1-HEG- P0HTD-M- M05-MAN- 0002 page 86 Item No. 3
31	Mist Eliminator DV210 type G4-1	Mist Eliminator DV210 type G4-1 for Mist Eliminator DV 210-III DWG no: 1516713 Vật liệu: Nhựa PP	Munters	Châu Âu/ G7/OECD	2	PC	53293030	PIHTD10AT001 P2HTD10AT001	SH1-HEG- P0HTD-M- M05-MAN- 0002 page 86 Item No. 4
	Agitator type: SR4D7F-37	Type: SR4D7F-37 Power: 37 KW Speed: 157 (m-1)	TSCHAMBER					PIHTD10AM001/00 2/003/004/005/006 P2HTD10AM001/00 2/003/004/005/006	SH1-HEG- P0HT-M- M05-MAN- 0001
32	Mechanical seal	TDSL2-80	TSCHAMBER	Châu Âu/ G7/OECD	2	SET	48521023	PIHTD10AM001/00 2/003/004/005/006 P2HTD10AM001/00 2/003/004/005/006	SH1-HEG- P0HT-M- M05-MAN- 0001 Page 16;23 Pos: 7
33	Shaft seal ring for gearbox	164,47x6,99 Viton	TSCHAMBER	Châu Âu/ G7/OECD	1	PC	48563040	PIHTD10AM001/00 2/003/004/005/006 P2HTD10AM001/00 2/003/004/005/006	SH1-HEG- P0HT-M- M05-MAN- 0001 Page 16 Pos: 16



STT	Hệ thống/Thiết bị Danh mục vật tư	Thông số kỹ thuật	Nhà sản xuất/ Nhà cung cấp	Xuất xứ	Số lượng	Đơn vị	Mã vật tư	Mã KKS	Bản vẽ/ Vị trí
34	Cáp nut	M12 Material-no: 1.4462 Znr: 7-16723	TSCHAMBER	Châu Âu/ G7/OECD	5	PC	46500043	PIHTD10AM001/00 2/003/004/005/006 P2HTD10AM001/00 2/003/004/005/006	SH1-HEG- P0HT-M- M05-MAN- 0001 Page 22 Pos: 01
35	Threaded rod	M12x85 Material-no: 1.4529 Znr: 7-16723	TSCHAMBER	Châu Âu/ G7/OECD	5	PC	43712014	PIHTD10AM001/00 2/003/004/005/006 P2HTD10AM001/00 2/003/004/005/006	SH1-HEG- P0HT-M- M05-MAN- 0001 Page 22 Pos: 02
36	O ring	94,6 x 5,33 Material-no: Viton Znr: 7-16723	TSCHAMBER	Châu Âu/ G7/OECD	10	PC	48532032	PIHTD10AM001/00 2/003/004/005/006 P2HTD10AM001/00 2/003/004/005/006	SH1-HEG- P0HT-M- M05-MAN- 0001 Page 22 Pos: 06

Lưu ý: Hàng hóa STT 1, 2, 3 Nhà thầu có thể cung cấp từ hãng khác trên cơ sở chứng minh tương đương và cam kết tương thích với thiết bị hiện hữu tại Nhà máy.



PHỤ LỤC BIỂU CHÀO GIÁ
Cung cấp vật tư Hệ thống BOP phục vụ BDĐK năm 2027 NMNĐ Sông Hậu 1
(Đính kèm Công văn số 2100/CNPD-TM ngày 20 /10/2026)

STT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Khối lượng	Hãng sản xuất, xuất xứ	Đơn giá (trước thuế) VNĐ	Thành tiền (trước thuế) VNĐ
1						
.						
.						
	TỔNG CỘNG TRƯỚC THUẾ					
	CÁC LOẠI THUẾ, PHÍ CÓ LIÊN QUAN					
	TỔNG CỘNG SAU THUẾ					

(Bằng chữ: đồng)

Hiệu lực của báo giá: 90 ngày kể từ ngày gửi báo giá.

ĐẠI DIỆN CÔNG TY
(ký tên, đóng dấu)

